

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Tấn P2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2022, các văn bản kèm theo bà Huỳnh Thị P1 trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2013, bà Huỳnh Thị P1 và ông Trần Tấn P2 kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà P1 và ông P2 phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, ông Trần Tấn P2 không lo cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn đã trầm

trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà P1 không thể đoàn tụ gia đình với ông P2, cả hai không còn chung sống từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Bà P1 cương quyết ly hôn với ông P2 và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trần Tấn P2.

Về con chung: Có hai người con chung tên Huỳnh Trung H (giới tính nam), sinh ngày 20/02/2013 và Trần Thị Kiều N (giới tính nữ), sinh ngày 30/5/2018. Hiện tại Huỳnh Trung H và Trần Thị Kiều N đang sống chung với bà P1. Bà P1 yêu cầu được nuôi dưỡng Huỳnh Trung H và Trần Thị Kiều N, bà P1 không yêu cầu ông P2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc đi lại gặp nhiều khó khăn để giải quyết việc ly hôn nên bà Huỳnh Thị P1 yêu cầu không hòa giải và xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm, bà P1 vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện không có ý kiến gì khác.

Ông Trần Tấn P2 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông P2 vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Huỳnh Thị P1 ly hôn với ông Trần Tấn P2; Về con chung: Có hai người con chung tên Huỳnh Trung H (giới tính nam), sinh ngày 20/02/2013 và Trần Thị Kiều N (giới tính nữ), sinh ngày 30/5/2018. Hiện tại Huỳnh Trung H và Trần Thị Kiều N hiện tại đang sống chung với bà P1. Bà P1 yêu cầu được nuôi dưỡng Huỳnh Trung H và Trần Thị Kiều N, mặt khác Huỳnh Trung H có nguyện vọng chung sống cùng bà P1, đối với Trần Thị Kiều N từ trước đến nay vẫn chung sống với bà Ph, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Kiều N nên chấp nhận yêu cầu của bà P1 là phù hợp, ông P2 không có ý kiến gì với yêu cầu của bà P1 nên giao cho bà P1 nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P1 không yêu cầu ông P2 cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị P1 xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Trần Tấn P2 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông P2 không cung cấp chứng cứ gì, ông P2 vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2013, bà Huỳnh Thị P1 và ông Trần Tấn P2 chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Huỳnh Thị P1 xác định không còn tình cảm dành cho ông P2, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bà P1 cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị P1 và ông Trần Tấn P2 không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị P1 và ông Trần Tấn P2 đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông P2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông P2 không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà P1, ông P2 không có ý kiến gì. Xét cho bà Huỳnh Thị P1 ly hôn với ông Trần Tấn P2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Huỳnh Trung H (giới tính nam), sinh ngày 20/02/2013 và Trần Thị Kiều N (giới tính nữ), sinh ngày 30/5/2018. Hiện tại Huỳnh Trung H và Trần Thị Kiều N hiện tại đang sống chung với bà P1. Bà P1 yêu cầu được nuôi dưỡng Huỳnh Trung H và Trần Thị Kiều N, mặt khác Huỳnh Trung H có nguyện vọng chung sống cùng bà P1, đối với Trần Thị Kiều N từ trước đến nay vẫn chung sống với bà Phil, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu Kiều N, ông P2 không có ý kiến gì với yêu cầu của bà P1 nên giao cho bà P1 nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị P1 ly hôn với ông Trần Tấn P2.

2. Về con chung: Giao Huỳnh Trung H (giới tính nam), sinh ngày 20/02/2013 và Trần Thị Kiều N (giới tính nữ), sinh ngày 30/5/2018 cho bà Huỳnh Thị P1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Tấn P2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Tấn P2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị P1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018910 ngày 11/5/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Huỳnh Thị P1 và với ông Trần Tấn P2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã V,
- huyện T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng